

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Tuyên;
2. Bà Tường Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trung Thị G, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Y, xã Y1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Y, xã Y1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trung Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trung Thị G và anh Trần Văn K được tự do tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Y1, huyện C. Sau khi kết hôn chị G và anh K chung sống tại thôn Y, xã Y1, huyện C. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị G và anh

K không còn tin tưởng nhau nữa nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, xúc phạm nhau. Giữa chị G và anh K có nguy cơ xảy ra xô xát khiến chị G cảm thấy không an toàn cho bản thân, hơn nữa tình cảm vợ chồng của chị G dành cho anh K không còn nên chị G xin ly hôn với anh Trần Văn K.

- Về con chung: Chị Trung Thị G và anh Trần Văn K có hai con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 13/9/2011 và Trần Phương L, sinh ngày 15/4/2015. Khi ly hôn chị G có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L, nhất trí để anh K nuôi dưỡng cháu Đ. Mỗi người nuôi một con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị G nhất trí nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị Trung Thị G được tự do tìm hiểu, tự nguyện Đ ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Y1, huyện C. Sau khi kết hôn chung sống tại thôn Y, xã Y1, huyện C. Quá trình kết hôn và chung sống với nhau anh K nhận thấy cuộc sống hôn nhân vẫn rất bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Ngày 01/9/2022 anh K có nhất trí và làm thủ tục cho chị G đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan đến ngày 06/10/2022 thì chị G về nước, không đi làm nữa. Khi chị G về anh K và chị G vẫn chung sống với nhau bình thường, được hơn một tháng thì chị G đi làm các thủ tục nộp đơn ly hôn với anh K tại Tòa án vào cuối năm 2022, khi chị G viết đơn bảo anh K ký thì anh K thấy đơn chị G gạch xóa, tẩy xóa nhiều lại nhàu nát nên anh K không ký vì đơn như vậy không đủ giá trị pháp lý, anh K đã lấy lại đơn và sau đó xé đơn này đi, anh K và chị G vẫn tiếp tục chung sống với nhau. Chị G không nói lý do gì mà làm đơn ly hôn với anh K trong khi anh K và chị G vẫn chung sống bình thường với nhau.

Ngày 09 tháng giêng âm lịch Tết Quý Mão 2023 thì chị G tự ý bỏ nhà đi làm, anh K có tìm cách liên hệ nhưng không được nên ngày 11 âm lịch anh K có xuống tỉnh Bắc Ninh và nhờ người gọi điện thoại nói anh K đang đi đón và bảo chị G về nhà nhưng chị G nhất định không về. Đến tháng 3 chị G tiếp tục làm đơn xin ly hôn với anh K. Khi đó anh K đã đến gặp Tòa án để xin thời gian hòa giải 15 ngày nhưng chị G không về nên không hòa giải được. Chị G xin ly hôn, anh K vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị G, anh K không nhất trí ly hôn với chị G và xin đoàn tụ với chị G.

- Về con chung: Anh K, chị G có hai con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 13/9/2011 và Trần Phương L, sinh ngày 15/4/2015. Anh K không muốn ly hôn với chị G nên không có ý kiến gì về con chung. Nếu phải ly hôn anh K đề nghị chị G nuôi dưỡng cả hai con chung, anh K sẽ không cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị G.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị G sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận ý kiến của con chung, cháu Trần Hải Đ có nguyện vọng được ở cùng anh K, cháu Trần Phương L có nguyện vọng được ở cùng chị G.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trung Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Trần Văn K; về con chung: Chị G có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trần Phương L, yêu cầu anh K nuôi dưỡng cháu Trần Hải Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung và nợ chung: Chị G xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn với chị Trung Thị G, đề nghị được đoàn tụ; về con chung anh K đề nghị chị G nuôi dưỡng cả hai con chung, anh K sẽ không cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị G; về tài sản chung và nợ chung Anh K và chị G sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được anh K sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Trung Thị G, cho chị G được ly hôn với anh Trần Văn K. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Trần Văn K.

- Về con chung: Xét mức thu nhập của chị G, anh K, nguyện vọng của cháu L và cháu Đ, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị G, anh K, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Trần Phương L, sinh ngày 15/4/2015 cho chị Trung Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 13/9/2011 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh K không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trung Thị G và anh Trần Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Trung Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyeen Quang giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn K; anh Trần Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã Y1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trung Thị G, anh Trần Văn K có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có Đ ký kết hôn vào ngày 25/02/2011 tại UBND xã Y1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại thôn Y, xã Y1, huyện C cho thấy: Khoảng tết năm 2023 thôn có nghe dư luận về việc anh K, chị G có xảy ra mâu thuẫn với nhau khi chị G đi làm tại Đài Loan được vài tháng. Nguyên nhân do anh K nghi ngờ chị G ngoại tình, nhả tin với người đàn ông khác qua mạng xã hội. Do anh K ghen tuông, vợ chồng không tin tưởng nhau nên anh K không đồng ý cho chị G tiếp tục đi làm tại Đài Loan nữa nên chị G đã trở về địa phương. Khi chị G trở về địa phương thì ở nhà tại thôn Y, xã Y1 được một thời gian ngắn thì chị G tiếp tục đi làm ăn xa nhà. Khi mâu thuẫn xảy ra anh K, chị G không báo đến tổ hòa giải của thôn để hòa giải, đại diện thôn có biết thông tin việc chị G, anh K có đơn ly hôn tại Tòa án, chị G đang đi làm ăn xa nên không sinh sống cùng một nhà với anh K.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình chung sống giữa chị G và anh K đã xảy ra mâu thuẫn khiến hôn nhân giữa chị G, anh K không còn hạnh phúc, từ khoảng đầu năm 2023 chị G, anh K đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trung Thị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của vợ chồng chị G, anh K không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Anh Trần Văn K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị G và anh K không có sự gắn kết trong cuộc sống, anh K xin đoàn tụ chỉ nhằm ràng buộc lẫn nhau. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị G và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của chị Trung Thị G, xử cho chị G được ly hôn anh Trần Văn K. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Trần Văn K.

[2.2] Về con chung: Chị Trung Thị G và anh Trần Văn K có hai con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 13/9/2011 và Trần Phương L, sinh ngày 15/4/2015. Tại phiên tòa chị G xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, đề nghị anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K đề nghị chị G trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, anh K không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: chị G và anh K đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau, cháu L và cháu Đ đã trên 07 tuổi, cháu L có nguyện vọng được ở với chị G, cháu Đ có nguyện vọng được ở với anh K, các cháu đang theo học tại trường học trên địa bàn xã Y1, huyện C, nên cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đ cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, anh K và chị G không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trung Thị G và anh Trần Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*. Chị Trung Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Trung Thị G. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Trần Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trung Thị G được ly hôn với anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Phương L, sinh ngày 15/4/2015 cho chị Trung Thị G trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 13/9/2011 cho

anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau ly hôn, chị Trung Thị G, anh Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Trung Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006192, ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Anh Trần Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trung Thị G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, anh Trần Văn K có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã Y1 (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh TuY;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyên

Tưởng Thị Thu

Đào Thị Bích Ngọc

